



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ

*Đơn vị tổ chức đào tạo: Khoa Kinh tế quốc tế, Học viện Ngoại giao
Phòng D628, Email: khoakinhtequocte@dav.edu.vn*

❖ MỤC TIÊU:

Chương trình đào tạo cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật; kiến thức lý thuyết chuyên sâu về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế,... Người học có khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích, phân tích các vấn đề kinh tế quốc tế trong thực tiễn. Bên cạnh đó, chương trình được thiết kế để hướng tới phát triển cho người học các kỹ năng cần thiết để làm việc hiệu quả trong môi trường hội nhập năng động, sáng tạo như kỹ năng thuyết trình, khả năng làm việc làm độc lập và làm việc nhóm, tư duy phản biện, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thành thạo và ứng dụng công nghệ thông tin. Ngoài ra, người học cũng được trau dồi khả năng phát triển cá nhân, có đạo đức nghề nghiệp, tinh thần hợp tác, trách nhiệm trong công việc, coi trọng lợi ích dân tộc và lợi ích xã hội, nuôi dưỡng tinh thần cống hiến và phụng sự.

❖ CHUẨN ĐẦU RA:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế quốc tế, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

Mã CDR	Nội dung CDR	Trình độ năng lực
KIẾN THỨC		
PLO1	Diễn giải được kiến thức nền tảng về triết học, kinh tế chính trị, xã hội – pháp luật, lịch sử, tư tưởng và chính sách của Đảng và Nhà nước; các kiến thức về quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước.	2/6
PLO2	Giải thích được những kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế, truyền thông quốc tế, luật pháp quốc tế và hoạt động đối ngoại để làm nền tảng cho việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế;	2/6
PLO3	Vận dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế học nói chung và kinh tế quốc tế nói riêng vào các hoạt động thực tế, cũng như sử dụng được các công cụ phân tích định lượng trong hoạt động nghiên cứu về các vấn đề kinh tế quốc tế;	3/6
PLO4	Áp dụng các kiến thức chuyên ngành về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế, ngoại giao kinh tế,... phục vụ cho công tác nghiên cứu, phân tích đánh giá và khuyến nghị chính sách liên quan;	3/6
PLO5	Phân tích các kiến thức chuyên sâu về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế để giải quyết các vấn đề và các tình huống thực tiễn trong hoạt động kinh tế quốc tế;	4/6



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

KỸ NĂNG		
PLO6	Áp dụng các phương pháp nghiên cứu kinh tế, tư duy logic; tư duy phân biện; kỹ năng xây dựng chiến lược trong các dự án quốc tế; kỹ năng nghiên cứu khoa học về các vấn đề nảy sinh trong quan hệ kinh tế quốc tế;	3/5
PLO7	Thực hành các kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, thuyết trình và lãnh đạo trong quá trình làm việc trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế;	3/5
PLO8	Sử dụng thành thạo ít nhất 01 ngoại ngữ (tương đương trình độ B2, Khung tham chiếu châu Âu hoặc một chuẩn quốc tế khác tương đương) để giao tiếp hiệu quả; đồng thời có khả năng đọc, dịch, tổng hợp thông tin, viết báo cáo hay trình bày về các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế bằng ngoại ngữ;	3/5
PLO9	Ứng dụng các kiến thức CNTT, đặc biệt là các công cụ phần mềm thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu vào các nghiệp vụ kinh tế quốc tế và các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp;	3/5
MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM		
PLO10	Xác định rõ trách nhiệm xã hội, tuân thủ pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế, trung thành với lợi ích quốc gia và dân tộc;	4/5
PLO11	Có tinh thần học tập suốt đời thông qua nghiên cứu, tự học, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn để phát triển bản thân, nghề nghiệp và làm việc hiệu quả trong môi trường đa quốc gia, đa văn hóa và công nghệ mới liên tục xuất hiện.	5/5

Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: Kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5)



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

❖ CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG; 13 TÍN CHỈ (* không tính các học phần Năng lực số, Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh và tổng số tín chỉ)				
1	Triết học Mác - Lênin	FC.001.03	03	Tiếng Việt
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	FC.002.02	02	Tiếng Việt
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	FC.003.02	02	Tiếng Việt
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	FC.004.02	02	Tiếng Việt
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	FC.005.02	02	Tiếng Việt
6	Pháp luật đại cương	IL.003.02	02	Tiếng Việt
7	<i>Năng lực số*</i>	<i>IT.002.02</i>	<i>02</i>	<i>Tiếng Việt</i>
8	<i>Giáo dục thể chất*</i>	<i>AAD.001.03</i>	<i>03</i>	<i>Tiếng Việt</i>
9	<i>Giáo dục quốc phòng - an ninh*</i>	<i>AAD.002.08</i>	<i>08</i>	<i>Tiếng Việt</i>



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 24 TÍN CHỈ

1	Ngoại ngữ 1 (<i>tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn</i>)	24 hoặc 15
2	Ngoại ngữ 2 (<i>tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Đức</i>)	0 hoặc 09

KHỐI KIẾN THỨC BỔ TRỢ:

09 TÍN CHỈ

1	Công tác ngoại giao	IR.025.03	03	Tiếng Việt
2	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	IR.042.03	03	Tiếng Việt
3	Chính sách đối ngoại Việt Nam	IR.007.03	03	Tiếng Việt
4	Công pháp quốc tế	IL.005.03	03	Tiếng Việt
5	Luật hiến pháp Việt Nam và các nước	IL.003.03	03	Tiếng Việt
6	Đại cương truyền thông quốc tế	IC.061.03	03	Tiếng Việt
7	Ngoại giao văn hoá	IC.010.03	03	Tiếng Việt
8	Đàm phán quốc tế	IR.026.03	03	Tiếng Việt



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP : 66 TÍN CHỈ				
a. Kiến thức cơ sở khối ngành: 12 TC				
1	Kinh tế vi mô	IE.001.03	03	Tiếng Việt/Anh
2	Kinh tế vĩ mô	IE.002.03	03	Tiếng Việt/Anh
3	Toán kinh tế	IE.005.03	03	Tiếng Việt
4	Xác suất thống kê	IE.009.03	03	Tiếng Việt
b. Kiến thức cơ sở ngành: 21 TC				
1	Quan hệ kinh tế quốc tế	IE.006.03	03	Tiếng Việt/Anh
2	Lịch sử các học thuyết kinh tế	IE.008.03	03	Tiếng Việt
3	Nguyên lý Kế toán	IE.064.03	03	Tiếng Việt



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

4	Kinh tế học ứng dụng	IE.060.03	03	Tiếng Việt/Anh
5	Kinh tế lượng	IE.010.03	03	Tiếng Việt
6	Kinh tế phát triển	IE.030.03	03	Tiếng Việt
7	Tiền tệ và thị trường tài chính	IE.082.03	03	Tiếng Việt/Anh
c. Kiến thức chuyên ngành :		36 TC		
• Học phần bắt buộc:		24 TC		
1	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	IE.007.03	03	Tiếng Việt/Anh
2	Địa kinh tế	IE.016.03	03	Tiếng Việt/Anh
3	Giao dịch thương mại quốc tế	IE.018.03	03	Tiếng Việt/Anh
4	Ngoại giao kinh tế	IE.033.03	03	Tiếng Việt/Anh



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

5	Đầu tư quốc tế	IE.024.03	03	Tiếng Việt/Anh
6	Thương mại quốc tế	IE.012.03	03	Tiếng Việt/Anh
7	Kinh doanh quốc tế	IE.042.03	03	Tiếng Việt/Anh
8	Quản trị kinh doanh	IE.014.03	03	Tiếng Việt/Anh

- Học phần chuyên sâu tự chọn : 09 TC

Chuyên sâu Thương mại quốc tế

1	Luật thương mại quốc tế	IE.020.03	03	Tiếng Việt/Anh
2	Quản trị Logistics	IE.074.03	03	Tiếng Việt/Anh
3	Marketing quốc tế	IE.021.03	03	Tiếng Việt/Anh
4	Thanh toán quốc tế	IE.017.03	03	Tiếng Việt/Anh
5	Thương mại điện tử	IE.022.03	03	Tiếng Việt/Anh



Chuyên sâu Tài chính quốc tế

1	Tài chính doanh nghiệp	IE.025.03	03	Tiếng Việt/Anh
2	Quản trị tài chính quốc tế	IE.081.03	03	Tiếng Việt/Anh
3	Thị trường chứng khoán	IE.026.03	03	Tiếng Việt/Anh
4	Phân tích và thẩm định dự án đầu tư quốc tế	IE.065.03	03	Tiếng Việt/Anh
5	Thực hành phân tích số liệu	IE.085.03	03	Tiếng Việt/Anh
KHỐI HỌC PHẦN KỸ NĂNG :		04 TÍN CHỈ		
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	IE.034.02	02	Tiếng Việt/Anh
2	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	IE.035.02	02	Tiếng Việt/Anh



KIẾN THỨC HƯỚNG NGHIỆP, THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP : 10 TÍN CHỈ

1	Hướng nghiệp*	AAD.037.02	02	Tiếng Việt
2	Thực tập tốt nghiệp*	IE.038.03	03	Tiếng Việt
3	Khóa luận tốt nghiệp	IE.039.10	10	Tiếng Việt/Anh
Hoặc				
4	Kỹ năng viết báo cáo	IE.068.02	02	
5	Kỹ năng phát triển bản thân và nghề nghiệp	IE.069.02	02	
6	Quản trị tài chính quốc tế** hoặc Thương mại điện tử ***	IE.081.03 hoặc IE.022.03	03	
7	Phân tích và thẩm định dự án đầu tư quốc tế** hoặc Marketing quốc tế***	IE.065.03 hoặc IE.021.03	03	

* Không tính vào tổng số tín chỉ

** Dành cho sinh viên lựa chọn chuyên sâu Thương mại quốc tế

*** Dành cho sinh viên lựa chọn chuyên sâu Tài chính quốc tế